BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

MỤC LỤC

1. Thông tin chung 2

1.1 Thông tin khái quát 2
1.2 Quá trình hình thành và phát triển 2
1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 3
1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 5
1.5 Định hướng phát triển 5
1.6 Các rủi ro 6

2. Tình hình hoạt động kinh doanh 6

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6
2.2 Tổ chức và nhân sự 7
2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 10
2.4 Tình hình tài chính 11
2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 12

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc 15

3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 15
3.2 Tình hình tài chính 16
3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 18
3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai 18
3.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) 18

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 18

4.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 18
4.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty 20
4.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: 20

5. Quản trị công ty 21

5.1 Hội đồng quản trị 21
5.2 Ban kiểm soát 23
5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc 24

6. Báo cáo tài chính 25

6.1 Ý kiến kiểm toán 25
6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán 25

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Tên viết tắt: TCSC

Năm báo cáo: 2015

1. Thông tin chung

1.1 Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 81/UBCK-GP
- Vốn điều lệ: 360.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 360.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi tỉ đồng)
- Địa chỉ: Lầu 5 – Số 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (08) 38 27 05 27 Fax: (08) 38 21 80 10
- Website: http://www.tcsc.vn/

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

2008	31 tháng 01	Các cổ đông sáng lập nhận được Phê chuẩn chính thức từ SSC cho phép thành lập TCSC với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ của TCSC là 360 tỷ đồng.
2008	01 tháng 02	TCSC được thành lập với trụ sở chính tại số 36 đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
2008	06 tháng 3	TCSC trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) với giấy phép số 88/GCNTVLK.
2008	24 tháng 6	TCSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HaSTC).
2008	25 tháng 6	TCSC được chính thức công nhận là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).
2008	16 tháng 8	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất.
2008	09 tháng 9	TCSC tổ chức lễ khai trương và thông báo việc liên kết với đối tác chiến lược quốc tế hàng đầu - Công ty Đại chúng Chứng khoán Seamico.
2009	12 tháng 01	TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch trực tuyến và giao dịch qua Website tại HOSE.
2009	31 tháng 3	TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch từ xa tại HaSTC.

2009	24 tháng 4	TCSC đăng ký trở thành công ty đại chúng.
2009	29 tháng 4	Seamico chính thức mua lại 18.88% cổ phần TCSC để trở thành đối tác chiến lược của TCSC.
2009	13 tháng 5	Thành lập chi nhánh Hà Nội theo quyết định 301/QĐ-UBCK với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
2009	27 tháng 5	Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quyết định số 238/UBCK-GP.
2009	11 tháng 7	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ hai.
2010	28 tháng 01	Dời trụ sở chính về Lầu 3&5 Tòa nhà Centec – số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, TP.HCM
2010	12 tháng 3	TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại HNX
2010	27 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ ba.
2010	11 tháng 5	Đóng cửa chi nhánh Hà Nội.
2010	14 tháng 6	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông bất thường.
2010	11 tháng 11	TCSC được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.
2010	24 tháng 11	TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại HNX.
2011	22 tháng 4	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ tư.
2011	27 tháng 9	TCSC triển khai nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.
2012	11 tháng 5	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ năm.
2013	29 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ sáu.
2014	24 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ bảy.
2015	19 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ tám.
2015	20 tháng 10	Dời trụ sở chính về Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh
  - Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán

    Chúng tôi cung cấp một chuỗi các dịch vụ gồm:
    - Lập tài khoản giao dịch cho khách hàng
    - Nhận và thực thi lệnh mua/bán chứng khoán từ khách hàng
    - Lưu ký chứng khoán
    - Tư vấn đầu tư chứng khoán

- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán
- Môi giới những giao dịch số lượng lớn

Ngoài ra chúng tôi còn cung cấp những dịch vụ:

- Thông báo đến khách hàng kết quả giao dịch bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc điện thoại sau mỗi phiên giao dịch.
- Cập nhật thông tin thị trường cho khách hàng bằng bản tin ngày, bản tin tuần, bản tin tháng và những báo cáo phân tích của công ty.
- Tư vấn chiến lược đầu tư cho khách hàng thông qua những phân tích về tình hình kinh tế tổng quan, ngành, công ty, ….

- Bảo lãnh phát hành và Tư vấn tài chính (Ngân hàng đầu tư)
  - Nghiệp vụ hỗ trợ, tư vấn, bảo lãnh phát hành, phân phối vốn liên quan đến các đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành tăng vốn, quyền bán thêm của nhà bảo lãnh phát hành, quản lý cổ đông.
  - TCSC còn định hướng tiến trình huy động vốn cho một doanh nghiệp, phát hành riêng lẻ, quyền phát hành và các dạng khác của việc thu hút vốn đầu tư.
  - Dịch vụ tư vấn về mua bán, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, mua bán tài chính, thiết lập việc cổ phần hóa và các nghiệp vụ hỗ trợ đính kèm.
  - Giành quyền kiểm soát, thâu tóm ngược, chào thầu, chiến lược thuốc độc, quyền được bán theo, quyền buộc bán theo.
  - Dịch vụ đầu tư và tư vấn tài chính của TCSC hỗ trợ khách hàng xác định mức giá chào mua hay bán ra, cấu trúc một thương vụ và thông thường là tìm kiếm một thương vụ tiến hành trôi chảy.
  - Tư vấn tái cấu trúc vốn: Nợ ưu tiên trả trước có thế chấp, nợ ưu tiên trả trước, nợ có thể chuyển đổi, nợ có thể trao đổi, cổ phiếu ưu đãi, nợ cổ đông, cổ phiếu thường.
  - Tư vấn sử dụng đòn bẩy tài chính: Đầu cơ vay nợ, tái cơ cấu vốn bằng vay nợ, tài trợ tài chính, phát hành trái phiếu.
  - Tư vấn định giá dựa vào các mô hình tài chính hiện đại: Khách hàng của chúng tôi tin chắc rằng họ có thể luôn luôn đặt niềm tin vào chúng tôi. Sự thành công của những đối tác tin cậy đã thúc đẩy mối quan hệ khách hàng ngày càng được nhân rộng hơn.

- Tự doanh

  Hoạt động tự doanh được thực hiện theo nguyên tắc: đầu tư vào các công ty có kết quả kinh doanh tốt và thuộc nhóm ngành cơ bản. Ngân sách được phê duyệt cho từng công ty dự kiến đầu tư. Kết quả trong năm có lãi dù chưa đạt được như kỳ vọng.

- Địa bàn kinh doanh

  Địa bàn kinh doanh của TCSC tập trung chủ yếu tại khu vực các thành phố lớn như Tp.HCM và Hà Nội. Ngoài ra, thông qua đối tác nước ngoài, TCSC đã dần

thâm nhập và mở rộng địa bàn kinh doanh sang Thái Lan, Hàn Quốc và các nước trong đối tác liên minh toàn cầu (GAP).

1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

TCSC áp dụng mô hình quản trị phù hợp với xu hướng hiện đại nhằm tạo nên tính linh hoạt nhưng an toàn trong hoạt động, có cơ chế báo cáo định kỳ, bất thường và giám sát chéo. Cụ thể mô hình theo chức năng gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Giám đốc bộ phận chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công và chịu trách nhiệm theo từng nhóm chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc chỉ đạo, theo dõi, phân cấp, ủy quyền để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

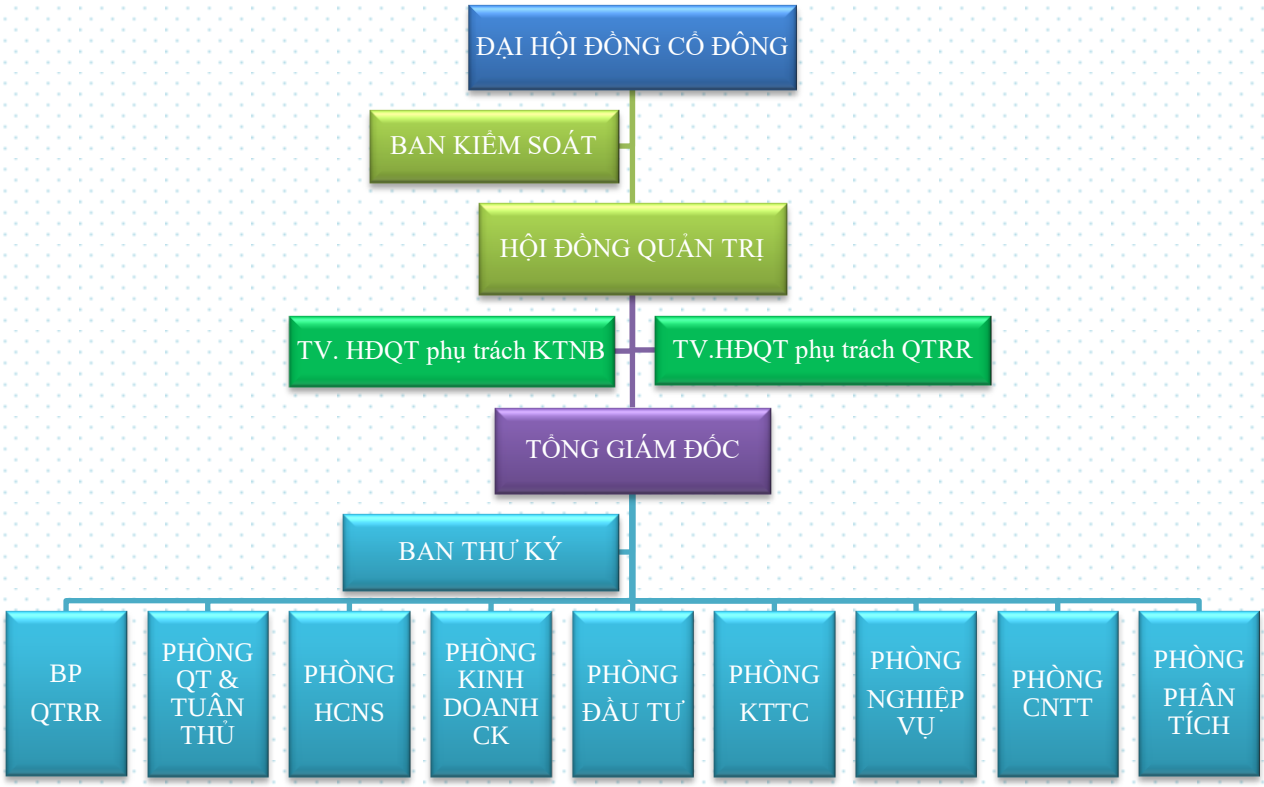

1.5 Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển và sáng tạo các sản phẩm và dịch vụ tài chính hỗ trợ để thu hút khách hàng trong và ngoài nước trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
  - Chuyên nghiệp hóa nguồn lực nhân sự, tăng cường tư cách đạo đức, nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế đặc biệt là đội ngũ môi giới chứng khoán và tư vấn doanh nghiệp.
  - Áp dụng linh động các gói khuyến khích đối với nhân viên tuyến đầu để tạo động lực tăng trưởng doanh thu, thị phần
  - Phát triển, sáng tạo thêm các sản phẩm tài chính trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành để thu hút khách hàng.
  - Củng cố, chăm sóc tốt những khách hàng hiện có, phục vụ các khách hàng nước ngoài theo tiêu chuẩn quốc tế.
  - Tận dụng các mối quan hệ của cổ đông lớn trên thị trường tài chính quốc tế để tăng tính hỗ trợ giúp đỡ nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
  - Kiện toàn hệ thống Công nghệ thông tin, ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất trong phục vụ khách hàng,
  - Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

  Từng bước tham gia các chương trình vì cộng đồng nhằm san sẻ những khó khăn với cộng đồng.

1.6 Các rủi ro

(Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty)

- Sự bất ổn của nền kinh tế trong trong nước nói riêng và trong khu vực nói chung.
- Sự thay đổi của chính sách và pháp luật.
- Biến động nhân sự trong ngành.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2015, cơ cấu doanh thu có sự thay đổi đáng kể. So với tổng doanh thu, doanh thu từ hoạt động Môi giới chứng khoán chiếm 8.8% (2014: 7.9%), hoạt động tự doanh chiếm 8% (2014: 9.9%), đặc biệt từ hoạt động cho vay ký quỹ và kinh doanh nguồn tăng mạnh chiếm 47.6% (2014: 13.3%), trong khi doanh thu từ lãi ngân hàng giảm còn 35.2% (2014: 68.7%). Tổng doanh thu trong năm tăng 21% so với năm trước và đạt 87% kế hoạch. So với kế hoạch đặt ra, hoạt động Môi giới dù tăng 35% so với 2014 nhưng chỉ đạt 53% kế hoạch, tự doanh đạt 32% kế hoạch. Giao dịch ký quỹ tăng 249% so với 2014 và đạt 102% kế hoạch, lãi ngân hàng giảm chỉ bằng 62% so với 2014 và đạt 103% kế hoạch. Về chi phí, trong năm chỉ tăng nhẹ 2% so với 2014 và sử dụng 85% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế trong năm công ty đạt 10.55 tỷ tăng 79% so với 2014 nhưng so với kế hoạch đạt 85%.

- Nhận xét:

  Doanh thu thực tế đạt được năm 2015 có sự tăng trưởng tốt nhưng chỉ đạt 87% kế hoạch doanh thu đặt ra. Dù chi phí kinh doanh và chi phí hoạt động có sự tăng nhẹ so với năm trước nhưng do có sự tiết giảm nên chỉ dùng 85% so với kế hoạch và lợi nhuận tăng mạnh so với năm trước. Đây là kết quả khá tích cực trong một năm mà thị trường có nhiều biến cố bất ngờ gây tác động xấu đến nền kinh tế.

2.2 Tổ chức và nhân sự

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

  - **TRƯƠNG GIA BẢO**

    - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
    - Chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị doanh nghiệp - Cao học Pháp-Việt về Quản lý (CFVG)
    - Quá trình công tác:

      7/1995 - 4/1999: Phân tích viên - Cty Design International Ltd.

      5/1999 - 4/2000: Trưởng phòng phân tích đầu tư – Cty Design International Ltd.

      5/2000 - 8/2007: Trợ lý Giám Đốc – Trung tâm kiểm soát khai thác Tân Sơn Nhất - Tổng công ty Hàng Không Việt nam.

      2/2008 - 6/2010: Giám đốc khối nghiệp vụ – Công ty CP Chứng khoán Thành Công

      6/2010 - nay: Tổng Giám Đốc – Công ty CP Chứng khoán Thành Công
    - Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.039%

  - **NGUYỄN THỊ ANH THƯ**

    - Chức vụ: Trưởng bộ phận Hành chính – Nhân sự
    - Chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại Học OUM Malaysia

      Cử nhân Ngoại ngữ - Đại Học Đà Lạt
    - Quá trình công tác:

      3/2003 - 11/2006: Trợ lý Tổng Giám Đốc kiêm Phụ trách mảng kế hoạch sản xuất - Công Ty TNHH Apexdalat

      11/2006 - 11/2010: Thư ký Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc – Công Ty TNHH Dalat Hasfarm

      11/2010 - 9/2011: Trưởng Phòng Hành Chính Nhân Sự - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kenanga Việt Nam

      10/2011 - 11/2012: Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Beta

      11/2012 - 9/2013: Trợ Lý Tổng Giám Đốc kiêm Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vina

10/2013 - nay: Trưởng bộ phận Hành chính Nhân sự - Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Công

- Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.000%

- **TRỊNH TẤN LỰC**
  - Chức vụ: Trưởng bộ phận Quy trình & tuân thủ (SOP)
    Trưởng bộ phận Quản trị Rủi ro
    Thư ký Công ty
    Người đại diện Công bố thông tin
  - Chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại Học Mở Tp.HCM
    Cử nhân Quản lý Công nghiệp – Đại học Bách khoa Tp.HCM
    Cử nhân Luật kinh tế – Đại học Mở Tp.HCM
  - Quá trình công tác:

    2002 - 3/2005: Trưởng ca sản xuất – Hualon Corporation Vietnam

    4/2005 - 2/2008: Chuyên viên hệ thống QLCL – Công ty CP Dệt may Thành Công

    5/2007 - 2/2008: Trưởng Phòng Cơ lý Xưởng nhuộm – Công ty CP Dệt may Thành Công

    2/2008 - nay: Trưởng BP SOP – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.

    5/2013 - nay: Thư ký Công ty – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.

    2/2014 - nay: Trưởng BP Quản trị Rủi ro – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.
  - Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.008%

- **TRẦN THỊ THÚY LAN**
  - Chức vụ: Quyền Kế Toán Trưởng
  - Chuyên môn: Cử nhân kế toán Đại học kinh tế Tp.HCM
  - Quá trình công tác:

    3/2009 - 6/2010: Kế toán trưởng – Công ty TNHH Mỹ Thuật – Truyền Thông và Quảng Cáo Đất Sáng Tạo

    7/2010 - 5/2015: Kế toán – Công ty CP Chứng khoán Thành Công

    6/2015 - 12/2015: Quyền Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Thành Công
  - Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.000%

- **LÊ THỊ PHƯƠNG THÚY**
  - Chức vụ: Trưởng bộ phận Nghiệp vụ

- Chuyên môn: Cử nhân Đại học kinh tế Tp.HCM
- Quá trình công tác:

  1999 - 2000: Kế toán viên – Cty Ý Ngọc

  2000 - 2004: Kế toán viên – Cty Đức Lợi

  2004 - 2005: Kế toán viên – Cty Vương Minh

  2005 - 2007: Kế toán TH – Cty Xây dựng Sơn Hùng

  2007 - 2008: Phó phòng Môi giới – Cty Chứng khoán Đông Dương

  2008 - nay: Trưởng bộ phận Nghiệp vụ – Công ty CP Chứng khoán Thành Công.
- Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.000%

▪ **TRẦN LƯƠNG THANH TÙNG**

- Chức vụ: Trưởng bộ phận Ngân hàng đầu tư
- Chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Đại học kinh tế Tp.HCM liên kết với Viện Giáo dục Pháp

  Cử nhân Đại học Luật Tp. HCM
- Quá trình công tác:

  8/2003 - 3/2008: Trợ lý Kiểm toán viên – Công ty Kiểm toán & Tư vấn tài chính BDO

  3/2008 - 3/2008: Trưởng Phòng Phân tích – Công ty Cổ phần VinaCapital & Chứng Khoán Vina

  3/2009 - 2/2011: Giám đốc Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Âu Việt

  2/2011 - 4/2013: Giám đốc – Công ty Cổ Phần Tư vấn Đầu tư CFE

  4/2011 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát – Công ty Cổ Phần Sacom

  5/2013 - nay: Trưởng bộ phận Ngân hàng đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Thành Công.
- Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.000%

▪ **NGUYỄN NGỌC HUY CƯỜNG**

- Chức vụ: Trưởng bộ phận Kinh doanh chứng khoán
- Chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Đại Học OUM Malaysia

  Cử nhân Kinh tế - Đại Học Kinh Tế Tp. HCM
- Quá trình công tác:

  8/2003 - 1/2008: Trợ lý Kiểm toán viên – Công ty Kiểm toán & Tư vấn tài chính HLAC

7/2008 - 12/2013: Phó phòng giao dịch Lê Duẩn, Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Phó Giám đốc chi nhánh Tân Bình, Giám đốc khối giao dịch trực tuyến - Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Hưng

1/2014 - 12/2015: Trưởng bộ phận Kinh doanh chứng khoán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.

- Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.000%

▪ **NGUYỄN THANH TỊNH**

- Chức vụ: Trưởng bộ phận CNTT
- Chuyên môn: Cử nhân Đại học CNTT Tp.HCM
- Quá trình công tác:

2003 - 2007: Chuyên viên Quản lý hệ thống mạng – Cty POUYUEN

2007 - 2008: Chuyên viên Quản lý hệ thống mạng – Cty Liên doanh Xăng dầu Petro Việt Nam

2008 - 4/2011: Chuyên viên Quản lý hệ thống mạng – Cty CP Chứng khoán Thành Công

5/2011 - nay: Trưởng bộ phận CNTT – Cty CP chứng khoán Thành công

- Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0.000%

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động năm 2015:
  - **Tổng số nhân sự tính tại thời điểm 31/12/2015: 24 cán bộ nhân viên.**
  - **Chính sách đối với người lao động:**
    - ✓ Hỗ trợ chi phí điện thoại di động, chi phí gửi xe.
    - ✓ Chúc mừng đám cưới, sinh con, ...
    - ✓ Tổ chức CBNV tham quan, nghỉ mát.
    - ✓ Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
    - ✓ Tổ chức các hoạt động phong trào: ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, Chúc mừng sinh nhật, Tất niên.
    - ✓ Lương tháng 13, thưởng cho tất cả nhân viên.
    - ✓ Các chính sách khác theo quy định của nhà nước và pháp luật.
- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

  Không có.

2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Không có khoản đầu tư lớn nào được giải ngân trong năm 2015.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

2.4 Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	339,659,609,274	361,485,146,049	+ 6.43%
Doanh thu thuần	27,962,618,586	33,819,252,760	+ 20.94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5,864,230,284	10,754,580,572	+ 83.39%
Lợi nhuận khác	9,372,226	4,163,636	- 55.57%
Lợi nhuận trước thuế	5,873,602,510	10,758,744,208	+ 83.17%
Lợi nhuận sau thuế	5,873,602,510	10,554,784,551	+ 79.70%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	18.14	13.17	
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	18.02	13.17	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	3.73	6.63	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3.88	7.10	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Vòng)			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.08	0.09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21.01	31.21	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1.81	3.13	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.72	2.92	

Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	20.97	31.80	

2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 36.000.000 cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông tại thời điểm 31/12/2015 là 521 cổ đông. Cơ cấu cổ đông được phân theo tỉ lệ sở hữu: cổ đông lớn (chiếm từ 5% tổng số cổ phần trở lên), cổ đông nhỏ; cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.

- **Phân theo tỉ lệ sở hữu**

Tổng số cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2015 là bốn (04) cổ đông trong tổ số 521 cổ đông, nắm giữ 22,735,200 cổ phần tương đương 63.15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ (%)
1	C.TY CP DM-ĐT-TM THÀNH CÔNG	8,911,700	24.75%
2	SEAMICO SECURITIES PLC	6,796,500	18.88%
3	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD.	4,953,000	13.76%
4	C.TY TNHH E.LAND VIỆT NAM	2,074,000	5.76%
5	CỔ ĐÔNG KHÁC	13,264,800	36.85%
	Tổng cộng	**36,000,000**	**100.00%**

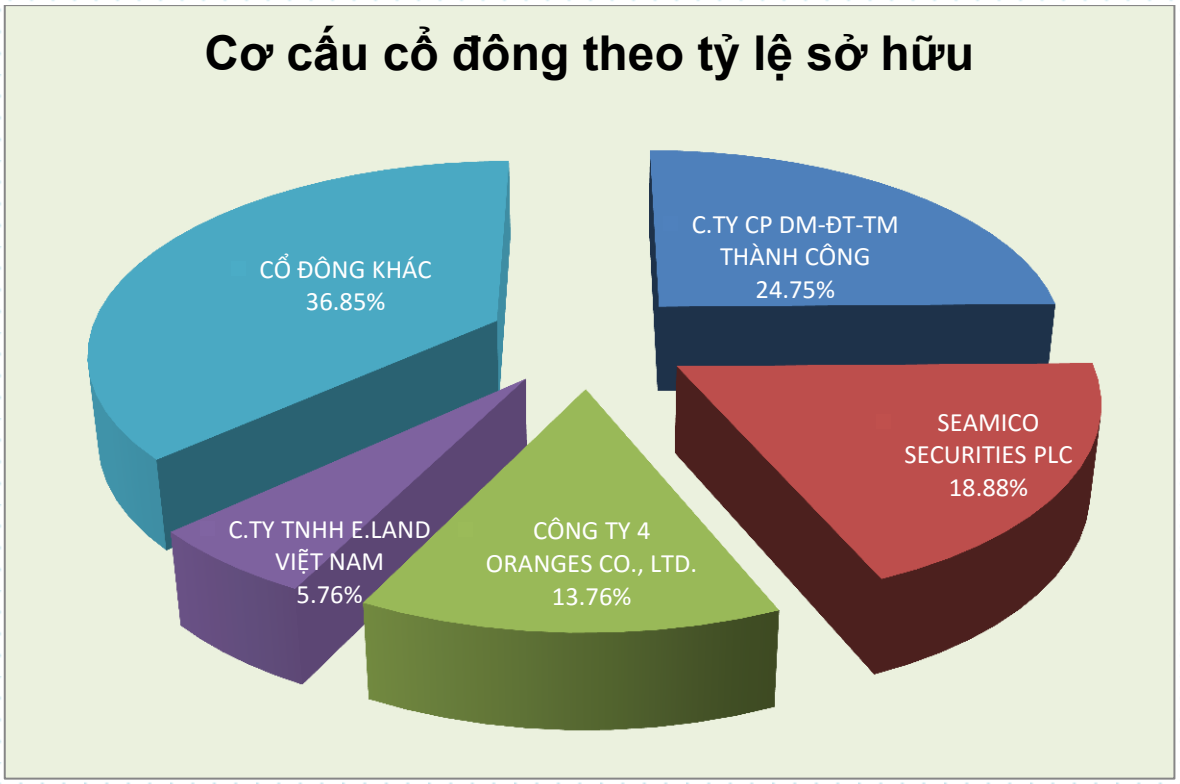

- **Phân theo cổ đông tổ chức – cá nhân**

Tổng số cổ đông tổ chức là sáu (06), trong đó có một (01) cổ đông tổ chức mang quốc tịch nước ngoài. Các cổ đông tổ chức nắm giữ tổng cộng 23,751,836 cổ phần chiếm gần 65.98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ (%)
1	C.TY CP DM-ĐT-TM THÀNH CÔNG	8,911,700	24.75%
2	SEAMICO SECURITIES PLC	6,796,500	18.88%
3	C.TY TNHH E.LAND VIỆT NAM	2,074,000	5.76%
4	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD.	4,953,000	13.76%
5	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẢO KIM LÂN	16,636	0.05%
6	CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÁT L.A	1,000,000	2.78%
7	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	12,248,164	34.02%
	Tổng cộng	**36,000,000**	**100.00%**

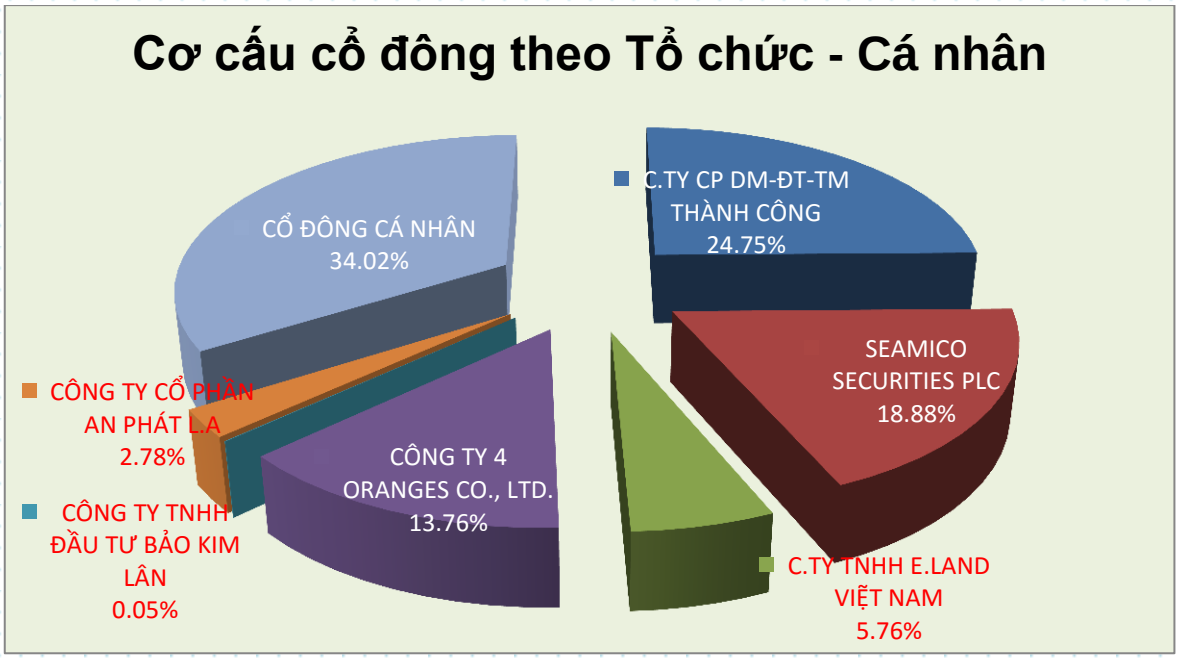

- **Phân theo cổ đông trong nước – nước ngoài**

Tổng số cổ đông nước ngoài là ba (03), trong đó 01 cổ đông tổ chức và 02 cổ đông cá nhân mang quốc tịch nước ngoài nắm giữ 8,156,500 cổ phần tương tương 22.66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ (%)
1	SEAMICO SECURITIES PLC	6,796,500	18.88%
2	TIÊU NHƯ PHƯƠNG	1,350,000	3.75%
3	KITTIVALAI CHAROENSOMBUT-AMORN	10,000	0.03%
4	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	27,843,500	77.34%
	Tổng cộng	**36,000,000**	**100.00%**

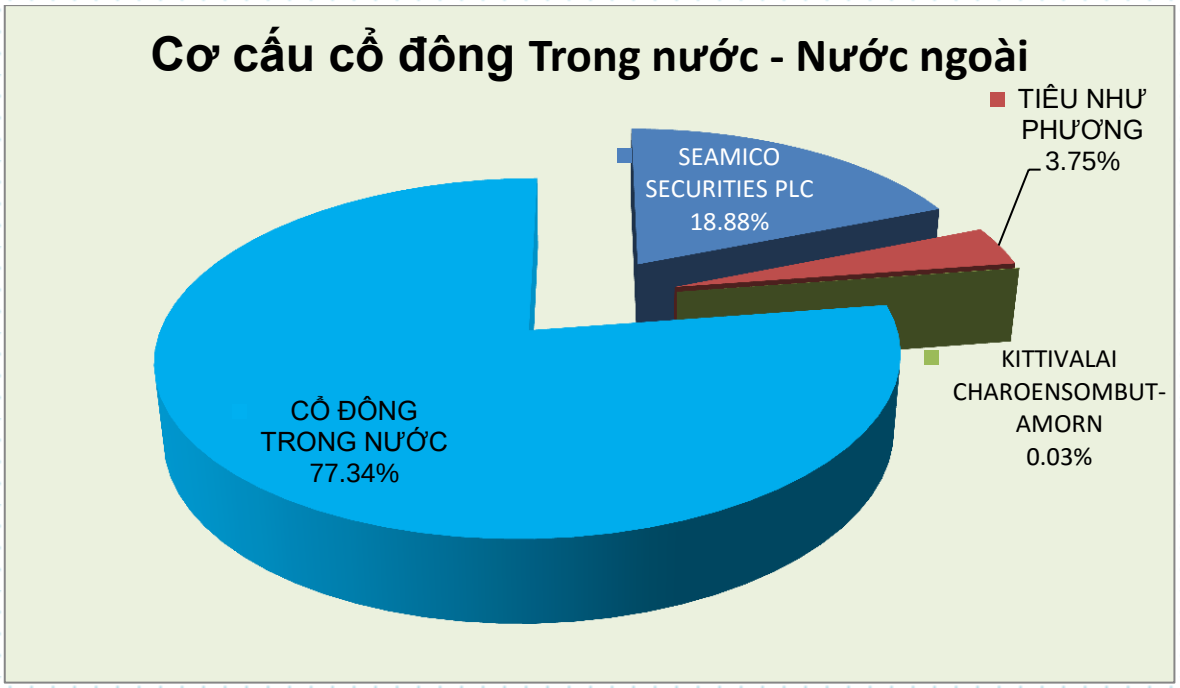

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

e) Các chứng khoán khác

Không có.

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

  Năm 2015 tiếp tục là một năm còn khó khăn của nền kinh tế, doanh thu, lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp đều bị sụt giảm, hoạt động của ngành chứng khoán nói riêng cũng chịu sự tác động không nhỏ. Tuy vậy, với sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cộng với sự chỉ đạo, giúp đỡ của HĐQT, Công ty đã kết thúc năm 2015 với mức lãi trước thuế đạt 10.8 tỷ đồng, đạt 183% so với lợi nhuận thực tế năm 2014 và đạt 87% so với kế hoạch đặt ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

  - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

    Hầu hết các hoạt động của các bộ phận, đặc biệt là các bộ phận nghiệp vụ đều được quy trình hóa và tài liệu hóa rõ ràng minh bạch, công khai.

Các chính sách về nhân sự, lương, thưởng của công ty được hoàn thiện, đánh giá dựa vào sự hiệu quả và đóng góp cụ thể đảm bảo các lợi ích và công bằng cho người lao động.

- Các biện pháp kiểm soát:

Công ty có một bộ phận đảm trách việc xây dựng quy trình và giám sát việc thực hiện của các bộ phận đảm bảo sự tuân thủ và minh bạch.

3.2 Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2015	31/12/2014
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**315,420,395,854**	**229,999,306,926**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**96,451,442,050**	**61,067,768,728**
1. Tiền	17,101,442,050	8,022,768,728
2. Các khoản tương đương tiền	79,350,000,000	53,045,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**47,767,830,831**	**85,589,189,791**
1. Đầu tư ngắn hạn	49,018,845,593	85,686,372,429
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1,251,014,762)	(97,182,638)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**170,916,449,191**	**81,476,105,466**
1. Phải thu khách hàng	-	-
2. Trả trước cho người bán	217,510,000	223,682,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	148,765,023,061	73,264,931,511
5. Các khoản phải thu khác	23,933,916,130	9,387,491,955
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2,000,000,000)	(1,400,000,000)
IV. Hàng tồn kho	**-**	**1,516,352,760**
1. Hàng tồn kho	-	1,516,352,760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
V.Tài sản ngắn hạn khác	**284,673,782**	**349,890,181**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	283,673,782	349,890,181
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	-	

5. Tài sản ngắn hạn khác	1,000,000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**46,064,750,195**	**109,660,302,348**
I. Các khoản phải thu dài hạn		-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		-
4. Phải thu dài hạn khác		-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi		-
II.Tài sản cố định	**3,762,714,313**	**6,465,928,846**
1. Tài sản cố định hữu hình	945,837,577	1,805,342,117
- Nguyên giá	*15,576,724,462*	*15,377,400,749*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*(14,630,886,885)*	*(13,572,058,632)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-
- Nguyên giá		-
- Giá trị hao mòn lũy kế		-
3. Tài sản cố định vô hình	2,816,876,736	4,660,586,729
- Nguyên giá	17,309,166,894	17,242,094,894
- Giá trị hao mòn lũy kế	(14,492,290,158)	(12,581,508,165)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
III. Bất động sản đầu tư		-
- Nguyên giá		-
- Giá trị hao mòn lũy kế		-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**38,100,000,000**	**101,500,000,000**
1. Đầu tư vào công ty con		-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		
- Chứng khoán sẵn sàng để bán		-
- C/khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-
4. Đầu tư dài hạn khác	38,100,000,000	101,500,000,000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-
V. Tài sản dài hạn khác	**4,202,035,882**	**1,694,373,502**
1. Chi phí trả trước dài hạn	3,505,779,954	719,723,346
2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	479,255,928	340,386,636
4. Tài sản dài hạn khác	217,000,000	634,263,520
VI. Lợi thế thương mại		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**361,485,146,049**	**339,659,609,274**

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

  Trong năm, công ty không có khoản nợ nào phát sinh.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

  Không có

3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

  Hầu hết các hoạt động của các bộ phận, đặc biệt là các bộ phận nghiệp vụ đều được quy trình hóa và tài liệu hóa rõ ràng minh bạch, công khai.

  Các chính sách về nhân sự, lương, thưởng của công ty dần được hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo các lợi ích và công bằng cho người lao động.

- Các biện pháp kiểm soát:

  Công ty có một bộ phận đảm trách việc xây dựng quy trình và giám sát việc thực hiện của các bộ phận đảm bảo sự tuân thủ và minh bạch.

3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục áp dụng các gói khuyến khích cho nhân viên trên cơ sở doanh số đạt được.
- Tiếp tục tuyển dụng và phát triển nhân sự đội ngũ môi giới, tư vấn, kinh doanh chứng khoán.
- Phân tích, nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội để giải ngân đầu tư.
- Triển khai các sản phẩm mới đảm bảo thị trưởng có sản phẩm nào, công ty có sản phẩm đó. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật.

3.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2015, Ban Điều hành đã thực thi và triển khai thực hiện chỉ đạo về định hướng hoạt động trong năm. Qua đó, CBCNV toàn công ty đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc thu hút nhiều khách hàng, tăng trưởng doanh thu, đa dạng hóa cơ cấu nguồn thu, tiết giảm chi phí, tối ưu hóa bộ máy nhân sự, đã ghi nhận sự cố gắng trong việc điều hành công ty theo hướng giảm chi phí, tinh gọn bộ máy nhân sự, tối ưu các vị trí công việc, quản trị rủi ro khá tốt trong các hoạt động đầu tư, cho vay. Doanh thu thực tế trong năm tăng gần 21% so với doanh thu thực tế năm 2014. Trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và còn khó khăn, kết quả này là đáng ghi nhận và tiếp tục phát huy hơn nữa để đạt kết quả tốt hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục hoàn chỉnh, nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến (TC Trade Pro) để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng xem đây là điều kiện rất quan trọng cho hoạt động của một công ty chứng khoán vốn phụ thuộc vào dịch vụ và công nghệ. Ngoài ra, trong năm công ty đã tiếp tục cũng cố và xây dựng đội ngũ tuyến đầu để tạo bàn đạp cải thiện tốt nguồn thu cho Công ty trong các năm sau.

Đơn vị tính: Tỉ đồng

	2014 Thực tế	**2015 Thực tế**	**2015 Kế hoạch**	**% Thay đổi Thực tế 15/Thực tế 14**	**% Thay đổi Thực tế 15/Kế hoạch 15**
	(a)	(b)	(c)	(d)=(b-a)/a	(e)=(b-c)/c
Môi giới	2.21	2.98	5.63	34.84	-47.07
Tự doanh	2.83	2.71	8.55	-4.24	-68.30
Tư vấn	-	-	0.2	-	0.00
Chuyển nhượng CP	0.05	0.01	0.04	-80.00	-75.00
Dịch vụ ký quỹ	3.72	12.99	12.74	249.19	1.96
Doanh thu khác	19.15	15.12	11.55	-21.04	30.91
Tổng doanh thu	**27.96**	**33.82**	**38.71**	**20.92**	**-12.66**
Chi phí kinh doanh	10.84	11.14	14.1	2.77	-20.99
Chi phí điều hành	11.25	11.92	12.2	5.96	-2.30
Tổng chi phí	**22.09**	**23.06**	**26.3**	**4.39**	**-12.32**
Thu nhập khác	0.01	0.004	0	-60.00	-
Chi phí khác	0	0	0	0.00	0.00
Lợi nhuận trước thuế	**5.88**	**10.76**	**12.41**	**82.89**	**-13.34**

- Tổng doanh thu: 33.82 tỉ đồng;
- Tổng chi phí: 23.06 tỉ đồng;
- Lợi nhuận năm 2015: 10.76 tỉ đồng (Kế hoạch 12.41 tỉ đồng)

Tình hình tài chính của công ty đến thời điểm 31/12/2015 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Tổng tài sản	**361.49**
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.45
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	47.77
Các khoản phải thu ngắn hạn	170.92
Hàng tồn kho	-
Tài sản ngắn hạn khác	0.28
Tài sản cố định	3.76
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	38.10
Tài sản dài hạn khác	4.20
Tổng Nguồn vốn	**361.49**
Nợ phải trả	23.95
Vốn chủ sở hữu	337.54
Vốn điều lệ	360.00
Lỗ lũy kế	(22.46)

4.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị gồm các thành viên có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, quản trị cấp cao, có đủ thông tin để phân tích, định hướng, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc kịp thời, thường xuyên và đầy đủ; cụ thể:
- Giám sát đảm bảo các hoạt động của Công ty được Ban điều hành quản lý hiệu quả, an toàn, đúng pháp luật, đúng Điều lệ Công ty.
- Chỉ đạo Ban điều hành giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc đột xuất. Các vấn đề lớn, quan trọng đều được Hội đồng quản trị thảo luận kỹ có nghị quyết và giám sát quá trình thực hiện qua báo cáo tiến độ.
- Theo dõi, cập nhật định kỳ tình hình tài chính, quản lý điều hành, nhân sự, quản lý chi phí của công ty thông qua các báo cáo từ Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát.
- Qua kết quả kinh doanh 2015, kết quả doanh thu lợi nhuận tăng khá tốt, tiết kiệm chi phí so với năm 2014, tuy vậy lợi nhuận vẫn chỉ đạt 87% so với kế hoạch đặt ra. Ban điều hành cần tiếp tục nỗ lực, cố gắng hơn nữa. .
- Nhìn chung, qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban giám đốc đã triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kịp thời thông tin báo cáo theo thực tế. Ban điều hành và bộ máy giúp việc đã có nhiều nỗ lực trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Phục vụ tốt những khách hàng hiện có ở trong nước và nước ngoài. Tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng tổ chức thông qua các mối quan hệ của cổ đông chiến lược.
- Tiếp tục áp dụng các gói khuyến khích cho nhân viên tuyến đầu.

- Tuyển dụng thêm nhiều nhân viên tư vấn, môi giới giỏi.
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến hỗ trợ hiệu quả bộ phận Môi giới, nghiên cứu cách thức hỗ trợ nhà đầu tư trong nước có thể giao dịch ở thị trường Thái lan và ngược lại thông qua hệ thống CNTT tiên tiến của công ty và cổ đông chiến lược.
- Nghiên cứu, phân tích, giải ngân cho hoạt động đầu tư.
- Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 trình Đại hội cổ đông.

5. Quản trị công ty

5.1 Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hiện hành gồm 07 thành viên. Trong đó, Ông Trương Gia Bảo – thành viên tham gia điều hành với cương vị Tổng giám đốc công ty.

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Năm sinh	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Chaipatr Srivisarvacha	Thạc sỹ	1959	Chủ tịch HĐQT	0
2	Ông Trần Như Tùng	Thạc sỹ	1973	Phó Chủ tịch HĐQT	0
3	Bà Duangrat Watanapongchat	Thạc sỹ	1957	Thành viên	0
4	Bà Kittivalai Charoensombut-Amorn	Cử nhân	1957	Thành viên	0.028%
5	Ông Suk Min Suk	Cử nhân	1975	Thành viên	0
6	Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Cử nhân	1982	Thành viên	0.006%
7	Ông Trương Gia Bảo	Thạc sỹ	1972	Thành viên	0.039%

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ Công ty. HĐQT họp hàng quý hoặc khi có các vấn đề phát sinh. HĐQT có các chỉ đạo kịp thời liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực thi đầy đủ thông qua các cuộc họp HĐQT.

Dưới đây là tỉ lệ tham gia các buổi họp HĐQT của các thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Chaipatr Srivisarvacha	Chủ tịch	5	100%	
2.	Trần Như Tùng	Phó chủ tịch	5	100%	

3.	Kittivalai Charoensombut-Amorn	Thành viên	5	100%	
4.	Duangrat Watanapongchat	Thành viên	5	100%	
5.	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	5	100%	
6.	Suk Min Suk	Thành viên	5	100%	
7.	Trương Gia Bảo	Thành viên	5	100%	

Kết quả các cuộc họp được lập thành biên bản và triển khai cụ thể thông qua các nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	01/2015/NQ-HĐQT	14/01/2015	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014. - Thông qua quỹ thưởng năm 2014. - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2015. - Thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2015 vào ngày 19/03/2015.
2.	02/2015/NQ-HĐQT	05/03/2015	- Rà soát và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2015 để trình Đại hội cổ đông 2015. - Thông qua chương trình và nội dung Đại hội cổ đông thường niên 2015 vào ngày 19/03/2015. Bổ sung nội dung về di dời văn phòng công ty vào chương trình Đại hội để lấy ý kiến cổ đông.
3.	03/2015/NQ-HĐQT	22/06/2015	- Thông qua kết quả kinh doanh Quý I và đến tháng 5 năm 2015. - Đồng ý chọn vị trí văn phòng mới của công ty là tầng 5 tòa nhà Savimex (194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM)
4.	04/2015/NQ-HĐQT	28/10/2015	- Thông qua kết quả kinh doanh quý II và III năm 2015.
5.	05/2015/NQ-HĐQT	23/12/2015	- Thông qua kết quả kinh doanh đến

			tháng 11 năm 2015. - Xem xét thảo luận kế hoạch kinh doanh 2016 và đề nghị TGĐ nghiên cứu điều chỉnh. - Thông qua chính sách và hạn mức rủi ro 2016 - Đ/n TGĐ rà soát lại các vấn đề pháp lý có liên quan đến việc đề xuất đưa cổ phiếu lưu ký tập trung và giao dịch trên UpCoM theo yêu cầu của Luật

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Có 6/7 thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không thành lập tiểu ban Hội đồng quản trị do quy mô hoạt động chưa lớn và bộ máy cần đơn giản. Phân công hai thành viên chuyên trách hai mảng hoạt động là Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ báo cáo cho HĐQT. Bổ nhiệm một Trưởng bộ phận đảm nhiệm vai trò thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

1. Ông Trương Gia Bảo
2. Bà Huỳnh Thị Thu Sa

5.2 Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Năm sinh	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Nguyễn Minh Hảo	Thạc sỹ	1973	Trưởng BKS	0.00%
2	Bà Nguyễn Thị Kiều Yến	Cử nhân	1960	Thành viên	0.00%
3	Ông Somporn Sasiroj	Cử nhân	1955	Thành viên	0.00%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát xem xét hàng tháng báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có thông tin hoặc kiểm tra thấy có bất thường thì Ban kiểm soát trực tiếp đến làm việc với Công ty.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT hàng quý.

- Định kỳ 6 tháng, Ban kiểm soát trực tiếp kiểm tra hoạt động tại Công ty.

TT	Ngày họp	Nội dung	Kết quả
1	08/03/2015	Kiểm tra số liệu kế toán năm 2014.	Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông 19/3/2015.
2	18/08/2015	Kiểm tra số liệu kế toán 6 tháng đầu năm 2015.	Báo cáo của Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2015.

5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của:

a) Thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Thù lao (đồng)	Chi phí (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Ông Chaipatr Srivisarvacha	28,500,000	23,658,470	52,158,470
2	Ông Trần Như Tùng	26,220,000	-	26,220,000
3	Bà Duangrat Watanapongchat	22,800,000	22,038,934	44,838,934
4	Bà Kittivalai Charoensombut-Amorn	22,800,000	-	22,800,000
5	Ông Suk Min Suk	22,800,000	-	22,800,000
6	Bà Huỳnh Thị Thu Sa	22,800,000	-	22,800,000
7	Ông Trương Gia Bảo	22,800,000	-	22,800,000

b) Thành viên BKS

TT	Họ và tên	Thù lao (đồng)	Chi phí (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Nguyễn Minh Hảo	16,800,000		16,800,000
2	Nguyễn Thị Kiều Yến	16,800,000		16,800,000
3	Somporn Sasiroj	12,600,000	12,571,595	25,171,595
4	Lertsak Polanunt	4,200,000	-	12,600,000

c) Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Thù lao (đồng)	Chi phí (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Trương Gia Bảo	-	121,867,600	

d) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

e) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

f) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ triệt để. Các quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ đang được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu luật định. Quy chế quản trị nội bộ cũng đã đang trong tiến trình bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị công ty cũng như yêu cầu luật định.

6. Báo cáo tài chính

6.1 Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte (Việt Nam).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**315.420.395.854**	**229.999.306.926**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**96.451.442.050**	**61.067.768.728**
1. Tiền	111		17.101.442.050	8.022.768.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.350.000.000	53.045.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**47.767.830.831**	**85.589.189.791**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.018.845.593	85.686.372.429
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.251.014.762)	(97.182.638)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**7**	**170.916.449.191**	**81.476.105.466**
1. Trả trước cho người bán	132		217.510.000	223.682.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		148.765.023.061	73.264.931.511
3. Các khoản phải thu khác	138		23.933.916.130	9.387.491.955
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.000.000.000)	(1.400.000.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**-**	**1.516.352.760**
1. Hàng tồn kho	141		-	1.516.352.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**284.673.782**	**349.890.181**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		283.673.782	349.890.181
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**46.064.750.195**	**109.660.302.348**
I. Tài sản cố định	**220**		**3.762.714.313**	**6.465.928.846**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	945.837.577	1.805.342.117
- Nguyên giá	*222*		*15.576.724.462*	*15.377.400.749*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(14.630.886.885)*	*(13.572.058.632)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.816.876.736	4.660.586.729
- Nguyên giá	*228*		*17.309.166.894*	*17.242.094.894*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(14.492.290.158)*	*(12.581.508.165)*
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**11**	**38.100.000.000**	**101.500.000.000**
1. Đầu tư tài chính dài hạn	258		38.100.000.000	101.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.202.035.882**	**1.694.373.502**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.505.779.954	719.723.346
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	479.255.928	340.386.636
3. Tài sản dài hạn khác	268		217.000.000	634.263.520
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**361.485.146.049**	**339.659.609.274**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	**300**		**23,948,805,646**	**12,678,053,422**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**23,948,805,646**	**12,678,053,422**
1. Phải trả người bán	312		82,987,200	49,987,200
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	448,790,235	74,860,542
3. Phải trả người lao động	315		321,905,000	120,132,523
4. Chi phí phải trả	316		817,125,250	805,750,000
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	22,272,432,498	11,617,311,296
6. Phải trả hộ cổ tức	321		5,565,463	1,111,801
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		-	8,900,060
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**337,536,340,403**	**326,981,555,852**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**337,536,340,403**	**326,981,555,852**
1. Vốn cổ phần	411		360,000,000,000	360,000,000,000
2. Lỗ lũy kế	420		(22,463,659,597)	(33,018,444,148)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**361,485,146,049**	**339,659,609,274**

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG	Mã số	31/12/2015	31/12/2014
6. Chứng khoán lưu ký	**06**	**2.544.777.999.800**	**1.621.281.385.700**
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	**07**	***2.160.833.841.700***	***1.436.540.703.900***
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	08	25.547.056.300	15.801.150.300
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	09	29.591.452.400	37.850.430.700
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	751.013.600	400.495.900
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	11	2.104.944.319.400	1.382.488.627.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	***12***	***427.925.800***	***366.973.400***
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	13	1.800.000	1.800.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	14	426.125.800	365.173.400
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	***42***	***383.516.232.300***	***184.373.708.400***
6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	44	383.516.232.300	184.373.708.400

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu	**01**		**33.819.252.760**	**27.962.618.586**
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	*01.1*		*2.984.763.297*	*2.209.144.605*
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	*01.2*		*2.713.329.659*	*2.834.345.307*
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	*01.3*		*121.824.216*	*54.465.759*
- Doanh thu khác	*01.4*	*18*	*27.999.335.588*	*22.864.662.915*
2. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10=01)	**10**		**33.819.252.760**	**27.962.618.586**
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		11.142.432.006	10.844.979.990
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**22.676.820.754**	**17.117.638.596**
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.922.240.182	11.253.408.312
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	**30**		**10.754.580.572**	**5.864.230.284**
7. Thu nhập khác	31		4.163.636	9.372.226
8. Lợi nhuận khác (40=31)	**40**		**4.163.636**	**9.372.226**
9. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	**50**		**10.758.744.208**	**5.873.602.510**
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	203.959.657	-
11. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	**60**		**10.554.784.551**	**5.873.602.510**
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**20**	**293**	**163**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***10.758.744.208***	***5.873.602.510***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.969.610.246	3.585.935.991
Các khoản dự phòng	03	1.753.832.124	486.140.066
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.935.693.837)	(18.848.270.386)
Chi phí lãi vay	06	574.503.036	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***2.120.995.777***	***(8.902.591.819)***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(93.694.379.017)	(67.869.146.409)
Thay đổi các khoản phải trả	11	11.066.792.567	(8.950.928.033)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.203.487.449)	142.565.614
Lãi vay đã trả	14	(574.503.036)	-
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	417.263.520	116.510.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(81.867.317.638)***	***(85.463.590.247)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(266.395.713)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	8.211.836
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(131.716.498.000)	(87.310.598.729)
4. Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	231.784.024.836	60.701.481.022
5. Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia	27	17.449.859.837	19.430.558.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**117.250.990.960**	**(7.170.347.321)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	263.295.689.315	8.500.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(263.295.689.315)	(8.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**35.383.673.322**	**(92.633.937.568)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**61.067.768.728**	**153.701.706.296**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**96.451.442.050**	**61.067.768.728**

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 05-CTCK

Đơn vị: VND

	Vốn cổ phần	Lỗ lũy kế	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	360.000.000.000	(38.892.046.658)	321.107.953.342
Lợi nhuận trong năm	-	5.873.602.510	5.873.602.510
Số dư tại ngày 31/12/2014	**360.000.000.000**	**(33.018.444.148)**	**326.981.555.852**
Lợi nhuận trong năm	-	10.554.784.551	10.554.784.551
Số dư tại ngày 31/12/2015	**360.000.000.000**	**(22.463.659.597)**	**337.536.340.403**

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 27 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Tháng 11 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành dự thảo sửa đổi bổ sung một số điểm quy định trong Thông tư số 210/2012/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho các doanh nghiệp thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những điểm mới sửa đổi và bổ sung này sẽ thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, và các khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty là tất cả các khoản công nợ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả cổ tức.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cổ tức cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu này trong năm. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra. Các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến tám năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền và phần mềm của thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả

thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ và doanh thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng

được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch

tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2015, Công ty không thực hiện tiến hành trích lập các quỹ nêu trên do lợi nhuận năm 2015 chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	12.078.933	30.708.197
Tiền gửi ngân hàng	17.089.363.117	7.992.060.531
Trong đó: Tiền của nhà đầu tư	*16.051.580.959*	*5.418.532.967*
Các khoản tương đương tiền	79.350.000.000	53.045.000.000
	96.451.442.050	**61.067.768.728**

Tiền gửi ngân hàng bao gồm cả số tiền của nhà đầu tư tại tài khoản ngân hàng của Công ty là 16.051.580.959 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.418.532.967 đồng).

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn một tháng và ba tháng. Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 4,86%/năm (năm 2014: 5%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị theo sổ sách kế toán	So với giá thị trường		Giá thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	27.018.845.593	56.425.469	(1.251.014.762)	25.824.256.300	(1.251.014.762)
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000	-
	49.018.845.593	**56.425.469**	**(1.251.014.762)**	**47.824.256.300**	**(1.251.014.762)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị theo sổ sách kế toán	So với giá thị trường		Giá thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	18.411.372.429	167.582.509	(97.182.638)	18.481.772.300	(97.182.638)
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	67.275.000.000	-	-	67.275.000.000	-
	85.686.372.429	**167.582.509**	**(97.182.638)**	**85.756.772.300**	**(97.182.638)**

(i) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán tại các Sở giao dịch Chứng khoán.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Số phát sinh trong năm		31/12/2015		
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Trả trước cho người bán	**223.682.000**	**-**	**60.900.000**	**67.072.000**	**217.510.000**	**-**	**-**
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	**73.264.931.511**	**-**	**1.402.076.036.173**	**1.326.575.944.623**	**148.765.023.061**	**-**	**-**
- Phải thu khách hàng về phí môi giới chứng khoán	23.090.489	-	2.984.763.297	2.962.162.081	45.691.705	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	5.676.875.721	-	937.595.639.758	937.395.635.935	5.876.879.544	-	-
- Phải thu hoạt động ứng trước	205.727.751	-	110.151.134.777	110.310.997.079	45.865.449	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	67.359.237.550	-	351.344.498.341	275.907.149.528	142.796.586.363	-	-
3. Các khoản phải thu khác	**9.387.491.955**	**2.000.000.000**	**101.158.994.816**	**86.612.570.641**	**23.933.916.130**	**2.000.000.000**	**(2.000.000.000)**
- Lãi tiền gửi	5.378.200.000	-	12.857.113.000	16.371.283.000	1.864.030.000	-	-
- Phải thu khác (*)	4.009.291.955	2.000.000.000	88.301.881.816	70.241.287.641	22.069.886.130	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Tổng các khoản phải thu	**82.876.105.466**	**2.000.000.000**	**1.503.295.930.989**	**1.413.255.587.264**	**172.916.449.191**	**2.000.000.000**	**(2.000.000.000)**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	(1.400.000.000)	-	(600.000.000)	-	(2.000.000.000)	-	
	81.476.105.466	**2.000.000.000**	**1.502.695.930.989**	**1.413.255.587.264**	**170.916.449.191**	**2.000.000.000**	**(2.000.000.000)**

(*) Đây chủ yếu là phải thu khác từ Ông Đoàn Quang Sang - cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung. Trước đó, Ông Nguyễn Thành Chung nộp tiền góp vốn mua cổ phần vào Công ty nhưng đứng dưới tên cổ đông sáng lập Ông Đoàn Quang Sang. Sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập, Ông Chung đề nghị Ông Sang chuyển trả 400.000 cổ phần (tương đương 4.000.000.000 đồng mệnh giá) cho Ông Chung, nhưng Ông Sang từ chối vì cho rằng Ông Chung còn nợ Ông Sang một số tiền. Ông Sang sau đó đã dùng 200.000 cổ phần trong tổng số 400.000 cổ phần đứng tên giúp Ông Chung để cấn trừ số tiền mà Ông Chung nợ Ông Sang. Không nhận được cổ phiếu, Ông Chung đã khởi kiện Công ty để đòi lại 4.000.000.000 đồng đã nộp mua cổ phần và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của Ông Chung. Công ty đã trả cho Ông Nguyễn Thành Chung giá trị của khoản vốn góp 4.000.000.000 đồng theo bản án phúc thẩm số 10/2012/KDTM-PT vào ngày 12 tháng 10 năm 2012. Sau đó, Công ty đã làm việc trực tiếp với Ông Sang và đã đạt được thỏa thuận với Ông Đoàn Quang Sang là người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền 4.000.000.000 đồng mà Công ty đã trả cho Ông Chung như đề cập trên đây. Ông Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 đồng) hiện ông Sang đang đứng tên cho Ông Trương Gia Bảo - Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật của Công ty. Tiếp đó, ngày 08 tháng 8 năm 2013, Công ty và Ông Sang đã đạt được thống nhất bằng văn bản về hướng xử lý liên quan việc hoàn trả toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng).

Tuy vậy, sau gần một năm nhưng Ông Sang vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận với Công ty. Do đó, ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tiến hành nộp đơn khởi kiện Ông Sang ra Tòa án có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng). Ngày 10 tháng 7 năm 2014, vụ án đã được thụ lý và được chuyển lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thủ tục tố tụng. Tiếp theo, ngày 25 tháng 10 năm 2014, Tòa án đã có thông báo triệu tập lần thứ nhất để tiến trình giải quyết vụ kiện. Qua nhiều lần tiến hành hòa giải trong năm 2015 nhưng không thành công, dự kiến Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử trong quý đầu năm 2016.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, do Công ty vẫn chưa thu hồi được 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng), Công ty đã trích lập 100% giá trị khoản phải thu của 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng).

8. HÀNG TỒN KHO

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho của Công ty bao gồm giá trị của 2.000 thiết bị bảo mật hay còn gọi là thiết bị điện tử xác thực người dùng (Token Card). Từ tháng 3 năm 2015, Công ty phân loại giá trị của các thiết bị này thành chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí trong khoảng thời gian là 3 năm.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	14.026.401.974	856.829.546	494.169.229	15.377.400.749
Tăng trong năm	136.623.713	-	62.700.000	199.323.713
Tại ngày 31/12/2015	**14.163.025.687**	**856.829.546**	**556.869.229**	**15.576.724.462**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	(12.449.945.174)	(700.382.690)	(421.730.768)	(13.572.058.632)
Khấu hao trong năm	(918.486.887)	(85.334.652)	(55.006.714)	(1.058.828.253)
Tại ngày 31/12/2015	**(13.368.432.061)**	**(785.717.342)**	**(476.737.482)**	**(14.630.886.885)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	**794.593.626**	**71.112.204**	**80.131.747**	**945.837.577**
Tại ngày 31/12/2014	**1.576.456.800**	**156.446.856**	**72.438.461**	**1.805.342.117**

Tổng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.054.935.764 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.984.289.074 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	17.242.094.894
Tăng	67.072.000
Tại ngày 31/12/2015	**17.309.166.894**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	(12.581.508.165)
Khấu hao trong năm	(1.910.781.993)
Tại ngày 31/12/2015	**(14.492.290.158)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	**2.816.876.736**
Tại ngày 31/12/2014	**4.660.586.729**

Tổng nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.160.713.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.122.993.000 đồng).

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 38.100.000.000 đồng từ 12 tháng đến 24 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 101.500.000.000 đồng từ 12 tháng đến 15 tháng) tại các ngân hàng thương mại và công ty tài chính. Lãi suất trung bình của các khoản tiền gửi này là 9,65%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7,26%/năm).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhỏ hơn 30 triệu đồng	63.543.513	190.630.521
Chi phí di dời, lắp đặt và sửa chữa văn phòng	2.116.915.191	371.921.300
Bản quyền và phần mềm của thiết bị bảo mật	1.095.143.660	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	230.177.590	157.171.525
	3.505.779.954	**719.723.346**

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán thể hiện số tiền nộp vào Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD") vào ngày báo cáo.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	416.364	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	203.959.657	-
Thuế thu nhập cá nhân	244.414.214	74.860.542
	448.790.235	**74.860.542**

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	6.220.851.539	6.198.778.329
Phải trả nhà đầu tư	16.051.580.959	5.418.532.967
	22.272.432.498	**11.617.311.296**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (VND)	**360.000.000.000**	**360.000.000.000**

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Danh sách các cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
			31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Seamico Securities PLC	-	-	67.965.000.000	67.965.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	35.000.000.000	9,72	89.117.000.000	89.117.000.000
Công ty TNHH Ngọc Phong	10.000.000.000	2,78	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Đoàn Quang Sang	12.500.000.000	3,47	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Chung Văn Đạt	12.500.000.000	3,47	5.050.000.000	5.050.000.000
Công Ty 4 Oranges	-	-	49.530.000.000	49.530.000.000
Công ty TNHH E.Land Việt Nam	-	-	20.740.000.000	20.740.000.000

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Về mặt địa lý thì Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - *"Báo cáo bộ phận"* và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

18. DOANH THU KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	11.249.507.562	19.057.426.887
Lãi từ hoạt động giao dịch ký quỹ	12.985.706.121	3.717.828.195
Thu nhập khác	3.764.121.905	89.407.833
	27.999.335.588	**22.864.662.915**

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	10.758.744.208	5.873.602.510
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*(419.403.700)*	*(19.200)*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*218.164.000*	*358.025.000*
Thu nhập chịu thuế	**10.557.504.508**	**6.231.608.310**
Lỗ tính thuế mang sang	(9.630.415.156)	(6.231.608.310)
Thu nhập tính thuế	927.089.352	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**203.959.657**	**-**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2014: 22%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	10.554.784.551	5.873.602.510
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.554.784.551	5.873.602.510
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**293**	**163**

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.679.732.946	2.988.933.288

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	816.000.000	2.547.765.594
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	748.000.000	-
	1.564.000.000	**2.547.765.594**

Tổng khoản phải trả tiền thuê của Công ty cho 400 m^2 ở lầu 5, Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với phí thuê hàng tháng là 68.000.000 đồng (170.000 đồng/m^2). Phụ lục hợp đồng thuê được kí cho thời hạn 3 năm bắt đầu từ ngày 5 tháng 12 năm 2015 đến ngày 01 tháng 12 năm 2018.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ bao gồm phần vốn của các cổ đông, bao gồm vốn cổ phần và lỗ lũy kế.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.399.861.091	55.649.235.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	170.698.939.191	81.252.423.466
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	47.767.830.831	85.589.189.791
Các khoản ký quỹ dài hạn	217.000.000	634.263.520
	299.083.631.113	**223.125.112.538**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	82.987.200	49.987.200
Chi phí phải trả	817.125.250	805.750.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22.272.432.498	11.617.311.296
Phải trả cổ tức	5.565.463	1.111.801
	23.178.110.411	**12.474.160.297**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	-	-	49.987.200	49.987.200

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty áp dụng chính sách chỉ giao dịch với các khách hàng có chỉ số tín dụng đáng tin cậy và yêu cầu đảm bảo trong các trường hợp cần thiết, như là một phương tiện hạn chế rủi ro tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần:

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.399.861.091	-	80.399.861.091
Phải thu khách hàng và phải thu khác	170.698.939.191	-	170.698.939.191
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.767.830.831	-	47.767.830.831
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	217.000.000	217.000.000
	298.866.631.113	**217.000.000**	**299.083.631.113**
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	82.987.200	-	82.987.200
Chi phí phải trả	817.125.250	-	817.125.250
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22.272.432.498	-	22.272.432.498
Phải trả cổ tức	5.565.463	-	5.565.463
	23.178.110.411	-	**23.178.110.411**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**275.688.520.702**	**217.000.000**	**275.905.520.702**

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.649.235.761	-	55.649.235.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.252.423.466	-	81.252.423.466
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.589.189.791	-	85.589.189.791
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	634.263.520	634.263.520
	222.490.849.018	**634.263.520**	**223.125.112.538**
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	49.987.200	-	49.987.200
Chi phí phải trả	805.750.000	-	805.750.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11.617.311.296	-	11.617.311.296
Phải trả cổ tức	1.111.801	-	1.111.801
	12.474.160.297	-	**12.474.160.297**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**210.016.688.721**	**634.263.520**	**210.650.952.241**

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Cổ phiếu	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Của Công ty	**7.763.470**	**181.167.098.000**
- Cổ phiếu	7.763.470	181.167.098.000
b) Của nhà đầu tư	**155.791.317**	**1.913.935.055.000**
- Cổ phiếu	155.791.317	1.913.935.055.000
	163.554.787	**2.095.102.153.000**

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	Cổ đông
Seamico Securities PLC	Cổ đông
Ông Đoàn Quang Sang	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan gồm:

	2015 VND	2014 VND
Chi phí họp phải trả Seamico Securities PLC	32.444.753	96.426.102

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí phải trả cho Seamico Securities PLC	-	25.000.000
Phải thu khác từ ông Đoàn Quang Sang (Thuyết minh số 7)	4.000.000.000	4.000.000.000

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

TRƯƠNG GIA BẢO